

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng |
|--|---|
| 1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng: | |
| 1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính (<i>xi măng, cốt thép, cát, đá, sơn nước các loại, thép hình, gạch ceramic các loại, cửa đi, cửa sổ nhôm các loại,</i>) | - Có bảng kê vật tư, vật liệu cho công trình thể hiện đầy đủ chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ và các tiêu chuẩn quy chuẩn được áp dụng theo quy định của pháp luật và phải còn hiệu lực. - Có bản cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc |
| | Đạt |

| | | |
|--|--|-----------|
| | <p>cung cấp vật tư (có tên gói thầu và tên công trình/dự án phù hợp với E-HSMT).</p> <p>- Có bản cam kết sử dụng cát (san lấp) từ các mỏ được nhà nước cấp phép khai thác.</p> | |
| | <p>- Không có hoặc có bảng kê vật tư, vật liệu, cho công trình thể hiện không đầy đủ chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ và các tiêu chuẩn quy chuẩn được áp dụng theo quy định của pháp luật nhưng không phù hợp hoặc các tiêu chuẩn quy chuẩn được áp dụng theo quy định của pháp luật đã hết hiệu lực.</p> <p>- Không có bản cam kết hoặc không có hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật tư hoặc có nhưng không đúng tên gói thầu và tên công trình/dự án phù hợp với E-HSMT.</p> <p>- Không có bản cam kết sử dụng cát (san lấp) từ các mỏ được nhà nước cấp phép khai thác.</p> | Không đạt |
| 1.2. Các loại vật liệu khác: chất chống thấm, thiết bị điện, thiết bị nước, thiết bị vệ sinh, hệ thống phòng cháy chữa cháy. | <p>- Có bảng kê vật tư, trang thiết bị cho công trình thể hiện đầy đủ chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ và các tiêu chuẩn quy chuẩn được áp dụng theo quy định của pháp luật và phải còn hiệu lực.</p> <p>- Có bản cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật tư (có tên gói thầu và tên công trình/dự án phù hợp với E-HSMT).</p> | Đạt |
| | <p>- Không có hoặc có bảng kê vật tư, trang thiết bị cho công trình thể hiện không đầy đủ chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ và các tiêu chuẩn quy chuẩn được áp dụng theo quy định của pháp luật nhưng không phù hợp hoặc các tiêu chuẩn quy chuẩn được áp dụng theo quy định của pháp luật đã hết hiệu lực.</p> <p>- Không có bản cam kết hoặc không có hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật tư hoặc có nhưng không đúng tên gói thầu và tên công trình/dự án phù hợp với E-HSMT.</p> | Không đạt |
| 2. Giải pháp kỹ thuật: | | |
| 2.1. Tổ chức mặt bằng công trường (bao gồm thuyết minh và bản vẽ): a) Mặt bằng công trình, vị trí tập kết thiết bị thi công, nhà ban chỉ huy, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu; | <p>- Có thuyết minh rõ ràng và sơ đồ giải pháp kỹ thuật bố trí mặt bằng công trình, vị trí tập kết thiết bị thi công, nhà ban chỉ huy, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu hợp lý với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.</p> <p>- Có thuyết minh rõ ràng giải pháp kỹ thuật bố trí rào chắn, biển báo, giao thông ra vào</p> | Đạt |

| | | |
|--|--|------------------|
| <p>b) Bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo;</p> <p>c) Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.</p> | <p>công trường với hiện trạng công trường.</p> <p>- Có thuyết minh rõ ràng giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công với hiện trạng công trường.</p> | |
| <p>2.2. Hệ thống tổ chức: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường (Các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn,... các tổ đội thi công) và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên.</p> | <p>Thiếu một trong các giải pháp trên hoặc có các giải pháp nhưng không đầy đủ, không chi tiết, không hợp lý, không rõ ràng.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>2.2. Hệ thống tổ chức: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường (Các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn,... các tổ đội thi công) và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên.</p> | <p>Có Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên phải đầy đủ hợp lý, khả thi phù hợp với gói thầu và đề xuất kỹ thuật.</p> | <p>Đạt</p> |
| <p>2.2. Hệ thống tổ chức: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường (Các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn,... các tổ đội thi công) và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên.</p> | <p>Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường hoặc có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường nhưng không có thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên hoặc không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với gói thầu và đề xuất kỹ thuật.</p> | <p>Không đạt</p> |
| 3. Biện pháp tổ chức thi công: | | |
| <p>3.1. Thuyết minh biện pháp bảo đảm giao thông khi thi công công trình</p> | <p>Có thuyết minh biện pháp đề xuất biện pháp bảo đảm giao thông phải đầy đủ hợp lý, khả thi phù hợp với gói thầu.</p> | <p>Đạt</p> |
| <p>3.1. Thuyết minh biện pháp bảo đảm giao thông khi thi công công trình</p> | <p>Không có thuyết minh đề xuất hoặc có thuyết minh nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với gói thầu và biện pháp thi công, tiến độ thi công, hiện trạng công trình.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>3.2. Công tác thi công định vị</p> | <p>- Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, hợp lý, khả thi.</p> <p>- Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.</p> <p>- Nhà thầu phải đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật và phải còn hiệu lực.</p> | <p>Đạt</p> |
| <p>3.2. Công tác thi công định vị</p> | <p>- Không có hoặc có nhưng không đầy đủ các yêu cầu trên.</p> <p>- Nhà thầu không có hoặc có đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn nhưng không cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc các tiêu chuẩn quy chuẩn đã hết hiệu lực theo quy định.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>3.3. Thi công xây dựng: đào đất, đắp đất, đóng cừ tràm, đóng cọc BTCT.</p> | <p>- Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, hợp lý, khả thi.</p> <p>- Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với</p> | <p>Đạt</p> |

| | | |
|--|---|-----------|
| | <p>thuyết minh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật và phải còn hiệu lực. | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Không có hoặc có nhưng không đầy đủ các yêu cầu trên. - Nhà thầu không có hoặc có đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn nhưng không cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc các tiêu chuẩn quy chuẩn đã hết hiệu lực theo quy định. | Không đạt |
| 3.4. Thi công xây dựng: gia công cốt thép, ván khuôn, đổ bê tông. | <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, hợp lý, khả thi. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh. - Nhà thầu phải đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật và phải còn hiệu lực. | Đạt |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Không có hoặc có nhưng không đầy đủ các yêu cầu trên. - Nhà thầu không có hoặc có đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn nhưng không cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc các tiêu chuẩn quy chuẩn đã hết hiệu lực theo quy định. | Không đạt |
| 3.5. Thi công xây dựng: Công tác xây, tô trát, bả matit, sơn, lát gạch, ốp gạch, lắp đặt các loại cửa, chống thấm. | <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, hợp lý, khả thi. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh. - Nhà thầu phải đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật và phải còn hiệu lực. | Đạt |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Không có hoặc có nhưng không đầy đủ các yêu cầu trên. - Nhà thầu không có hoặc có đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn nhưng không cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc các tiêu chuẩn quy chuẩn đã hết hiệu lực theo quy định. | Không đạt |
| 3.6. Thi công xây dựng: hệ thống điện, hệ thống nước. | <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, hợp lý, khả thi. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh. - Nhà thầu phải đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật và phải còn hiệu lực. | Đạt |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Không có hoặc có nhưng không đầy đủ các yêu cầu trên. | Không đạt |

| | | |
|---|---|-----------|
| | - Nhà thầu không có hoặc có đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn nhưng không cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc các tiêu chuẩn quy chuẩn đã hết hiệu lực theo quy định. | |
| 3.7. Thi công xây dựng: sân đường, hệ thống thoát nước mặt, công tường rào. | - Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, hợp lý, khả thi. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh. - Nhà thầu phải đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật và phải còn hiệu lực. | Đạt |
| | - Không có hoặc có nhưng không đầy đủ các yêu cầu trên. - Nhà thầu không có hoặc có đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn nhưng không cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc các tiêu chuẩn quy chuẩn đã hết hiệu lực theo quy định. | Không đạt |
| 3.8. Thi công xây dựng: hệ thống mạng. | - Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, hợp lý, khả thi. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh. - Nhà thầu phải đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật và phải còn hiệu lực. | Đạt |
| | - Không có hoặc có nhưng không đầy đủ các yêu cầu trên. - Nhà thầu không có hoặc có đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn nhưng không cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc các tiêu chuẩn quy chuẩn đã hết hiệu lực theo quy định. | Không đạt |
| 3.9. Thi công xây dựng: Công tác thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy. | - Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, hợp lý, khả thi. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh. - Nhà thầu phải đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật và phải còn hiệu lực. | Đạt |
| | - Không có hoặc có nhưng không đầy đủ các yêu cầu trên. - Nhà thầu không có hoặc có đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn nhưng không cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc các tiêu chuẩn quy chuẩn đã hết hiệu lực theo quy định. | Không đạt |
| 4. Tiến độ thi công: | | |

| | | |
|---|--|-----------|
| 4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 180 ngày (kể từ ngày khởi công). | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 180 ngày . | Đạt |
| | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 180 ngày hoặc không có đề xuất hoặc đề xuất không hợp lý, không thống nhất. | Không đạt |
| 4.2. Tính phù hợp: Có biểu đồ bố trí nhân lực phù hợp với tiến độ thi công và với nhân sự đề xuất. Có biểu đồ bố trí vật tư, vật liệu, máy thi công hợp lý với tiến độ thi công, đề xuất. | Có biểu đồ bố trí nhân lực, vật tư, vật liệu, máy thi công phải đầy đủ hợp lý, khả thi phù hợp với tiến độ thi công. | Đạt |
| | Không có biểu đồ bố trí nhân lực, vật tư, vật liệu, máy thi công hoặc có nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công. | Không đạt |
| 4.3. Biểu tiến độ thi công chi tiết theo công việc mời thầu phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT | Có Biểu tiến độ thi công chi tiết phải đầy đủ hợp lý, khả thi phù hợp với gói thầu và đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Đạt |
| | Không có Biểu tiến độ thi công chi tiết hoặc có Biểu tiến độ thi công chi tiết nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi với đề xuất kỹ thuật. | Không đạt |
| 5. Biện pháp bảo đảm chất lượng: | | |
| 5.1. Tổ chức quản lý dự án | - Có sơ đồ và thuyết minh sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý dự án của nhà thầu và nêu rõ trách nhiệm của từng bộ phận quản lý dự án phù hợp với sơ đồ và hợp lý tính chất gói thầu (thuyết minh và sơ đồ không trùng với nội dung đã đề xuất khác). Trường hợp nhà thầu liên danh, phải có phân công trách nhiệm, phối hợp giữa các thành viên trong quản lý dự án. - Có thuyết minh nêu rõ cách thức tổ chức quản lý dự án của nhà thầu hợp lý cho gói thầu. - Nhà thầu phải đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật và còn hiệu lực. | Đạt |
| | - Không có sơ đồ và thuyết minh sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý dự án của nhà thầu và nêu rõ trách nhiệm của từng bộ phận quản lý dự án phù hợp với sơ đồ và hợp lý tính chất gói thầu (thuyết minh và sơ đồ không trùng với nội dung đã đề xuất khác). Trường hợp nhà thầu liên danh, phải có phân công trách nhiệm, phối hợp giữa các thành viên trong quản lý dự án. - Không có thuyết minh nêu rõ cách thức tổ chức quản lý dự án của nhà thầu hợp lý cho gói thầu. - Nhà thầu không có hoặc có đề xuất các | Không đạt |

| | | |
|---|---|-----------|
| | <p>tiêu chuẩn quy chuẩn nhưng không cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc đã hết hiệu lực.</p> | |
| 5.2 Sơ đồ, Quy trình quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng | <ul style="list-style-type: none"> - Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý phù hợp đề xuất về biện pháp thi công của gói thầu. - Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng phù hợp với đề xuất về biện pháp thi công của gói thầu. - Nhà thầu phải đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật và còn hiệu lực. | Đạt |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Không có hoặc có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý nhưng không phù hợp với đề xuất về biện pháp thi công của gói thầu. - Không có hoặc có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng nhưng không phù hợp với đề xuất về biện pháp thi công của gói thầu. - Nhà thầu không có hoặc có đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn nhưng không cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc đã hết hiệu lực. | Không đạt |
| 5.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công | <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh đầy đủ biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công phù hợp với đề xuất về biện pháp thi công của gói thầu. - Có thuyết minh biện pháp khắc phục, sửa chữa những hư hỏng phù hợp với biện pháp thi công của gói thầu. - Nhà thầu phải đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật và còn hiệu lực | Đạt |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Không có hoặc có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công hoặc Không có đầy đủ biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công nhưng không phù hợp với đề xuất về biện pháp thi công của gói thầu. - Không có hoặc có thuyết minh biện pháp khắc phục, sửa chữa những hư hỏng nhưng không phù hợp với biện pháp thi công của gói thầu. - Nhà thầu không có hoặc có đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn nhưng không cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc đã hết | Không đạt |

| | | |
|---|---|-----------|
| | hiệu lực | |
| 5.4. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | - Có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công phù hợp với gói thầu. - Nhà thầu phải đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật và còn hiệu lực | Đạt |
| | - Không có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công hoặc không phù hợp với gói thầu. - Nhà thầu không có hoặc có đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn nhưng không cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc đã hết hiệu lực | Không đạt |
| 5.5. Biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị để đảm bảo tiến độ thi công trong mùa mưa bão. | Có thuyết minh biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị để đảm bảo tiến độ thi công trong mùa mưa bão đầy đủ, hợp lý, phù hợp với gói thầu. | Đạt |
| | Không có hoặc có thuyết minh biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị để đảm bảo tiến độ thi công trong mùa mưa bão nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không phù hợp với gói thầu. | Không đạt |
| 6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường: | | |
| 6.1. An toàn lao động | | |
| Thuyết minh biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công: a) Lập Kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động. b) Xác định các vùng nguy hiểm, vùng nguy hại trên công trường và khu vực lân cận công trường, lập Biện pháp kiểm soát bảo đảm an toàn. c) Trách nhiệm của cán bộ quản lý an toàn lao động. d) Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho máy, thiết bị thi công để vận chuyển, đào đất đá, vật liệu. d) Lập biện pháp quản lý nhân sự, thiết bị và biện pháp bảo đảm an ninh công trường, | - Có nội dung thuyết minh biện pháp an toàn lao động đầy đủ, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. - Có bản cam kết mua bảo hiểm cho công nhân. - Nhà thầu phải đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật và còn hiệu lực. | Đạt |
| | - Không có hoặc có nội dung thuyết minh biện pháp an toàn lao động nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. - Không có bản cam kết mua bảo hiểm cho công nhân. - Nhà thầu không có hoặc có đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn nhưng không cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc đã hết hiệu lực. | Không đạt |

| | | |
|--|---|-----------|
| an toàn giao thông trong suốt quá trình thi công. e) Lập biện pháp quản lý an toàn cho công trình hiện hữu và khu vực xung quanh công trường. | | |
| 6.2. Phòng cháy, chữa cháy | | |
| Thuyết minh biện pháp phòng cháy, chữa cháy | - Có thuyết minh biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với gói thầu. - Nhà thầu phải đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật và còn hiệu lực. | Đạt |
| | - Không có hoặc có thuyết minh biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với gói thầu. - Nhà thầu không có hoặc có đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn nhưng không cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc đã hết hiệu lực. | Không đạt |
| 6.3. Vệ sinh môi trường | | |
| Thuyết minh biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường | - Có thuyết minh biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường đầy đủ, hợp lý, khả thi phù hợp với gói thầu. - Nhà thầu phải đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật và còn hiệu lực. | Đạt |
| | - Không có hoặc có thuyết minh biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với gói thầu. - Nhà thầu không có hoặc có đề xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn nhưng không cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc đã hết hiệu lực. | Không đạt |
| 7. Bảo hành: | | |
| Thời gian bảo hành 24 tháng. | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 24 tháng. | Đạt |
| | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 24 tháng hoặc không có đề xuất hoặc không hợp lý. | Không đạt |
| 8. Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó | | |
| Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị | a) Đáp ứng các yêu cầu sau: - Nhà thầu có văn bản cam kết không vi phạm Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy | Đạt |

| | | |
|--|--|------------------|
| <p>định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác trong vòng 3 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu.</p> | <p>định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác trong vòng 3 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có hợp đồng nào bị đánh giá vi phạm về chất lượng, tiến độ. - Không bị kết luận là kê khai không trung thực, gian lận trong đấu thầu. - Nhà thầu không bị đưa vào danh sách các nhà thầu vi phạm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. <p>Đối với trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải có bản cam kết riêng.</p> | |
| | b) Không đáp ứng yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 9. Cam kết huy động, quản lý các loại phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công | | |
| <p>- Có bản cam kết quản lý toàn bộ các phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công của mình trên công trường (kể cả phương tiện của các đơn vị cung ứng vật liệu), phương tiện đi thuê, mượn đảm bảo tuân thủ theo các quy định về tải trọng, kích thước thùng hàng theo giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường quy định đối với từng loại phương tiện.</p> <p>- Có bản cam kết sẵn sàng huy động máy móc thiết bị phục vụ cho gói thầu (sở hữu và đi thuê).</p> | <p>Có bản cam kết đầy đủ, hợp lý với đề xuất của gói thầu.</p> | Đạt |
| | <p>Không có hoặc có bản cam kết nhưng không hợp lý, không đầy đủ với đề xuất của gói thầu.</p> | Không đạt |
| Kết luận | Có tất cả nội dung yêu cầu được đánh giá là “Đạt”. | Đạt |
| | Có \geq 01 nội dung yêu cầu được đánh giá là “Không đạt” | Không đạt |

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.